

BẢN CÔNG KHAI MỨC TIÊU THỤ NHIÊN LIỆU CỦA KIỂU LOẠI XE

1. Thông tin chung

- 1.1. Tên cơ sở sản xuất/nhập khẩu: Công Ty TNHH AL Naboodah Quốc Tế Việt Nam
- 1.2. Địa chỉ: Tầng 4, Toà nhà M-Building, Số 09 đường số 8, Phường Tân Phú, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.
- 1.3. Loại phương tiện: xe mô tô 2 bánh/~~xe gắn máy 2 bánh~~/loại xe khác:.....⁽¹⁾
- 1.4. Nhãn hiệu: HARLEY-DAVIDSON
- 1.5. Tên thương mại: CVO ROAD GLIDE ST
- 1.6. Mã kiểu loại (số loại): FLTRXSTSE
- 1.7. Số giấy chứng nhận⁽²⁾: 24KXM/261674
- 1.8. Báo cáo thử nghiệm tiêu thụ nhiên liệu số: RDW-168/2013-0132977 , ngày: 23.01.2024

2. Thông số kỹ thuật của xe

- 2.1. Khối lượng bản thân: 380 kg
- 2.2. Khối lượng toàn bộ lớn nhất: 617 kg
- 2.3. Động cơ
- 2.3.1. Kiểu động cơ: 6. Loại động cơ: 4 kỳ, 2 xi lanh, làm mát bằng chất lỏng
- 2.3.2. Thể tích làm việc (dung tích xy lanh): 1977 cm³
- 2.3.3. Công suất lớn nhất/số vòng quay: 94/5020 kW/rpm
- 2.4. Hệ thống cung cấp nhiên liệu: ~~chế hòa khí~~/phun nhiên liệu/~~khác~~:.....⁽¹⁾
- 2.5. Hộp số
- 2.5.1. Điều khiển: cơ khí/~~tự động~~⁽¹⁾
- 2.5.2. Số lượng tỷ số truyền: 6 số
- 2.5.3. Tỷ số truyền từng cấp số: 3.337/ 2.313/ 1.718/ 1.391/ 1.185/ 1.000
- 2.6. Tỷ số truyền cuối cùng: 2.267



2.7. Lớp

2.7.1. Ký hiệu cỡ lốp trực 1: 130/60 B19 , áp suất lốp: 280 kPa

2.7.2. Ký hiệu cỡ lốp trực 2: 180/55 B18 , áp suất lốp: 290 kPa

2.8. Vận tốc thiết kế lớn nhất do cơ sở sản xuất quy định: 190 km/h

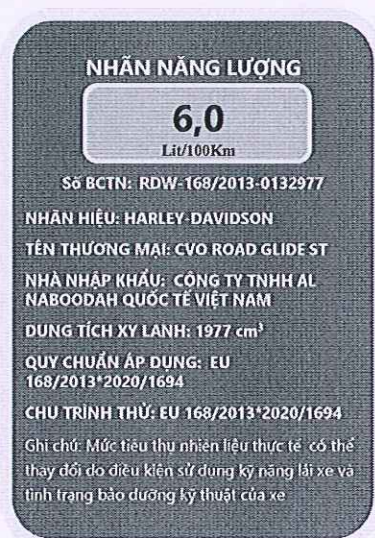
3. Công khai mức tiêu thụ nhiên liệu

3.1. Chu trình thử: TCVN 7357:2010/TCVN 7358:2010/TCVN 9726:2013/

EU 168/2013*2020/1694.....⁽¹⁾

3.2. Mức tiêu thụ nhiên liệu công khai: 6,0 l/100 km

4. Mẫu nhãn năng lượng công khai



5. Ghi chú (nếu có):

.....

.....

Tp HCM, ngày 09 tháng 01 năm 2025
Công ty TNHH Al Naboodah Quốc Tế Việt Nam



Trưởng Phòng Xuất Nhập Khẩu
Nguyễn Thị Ngọc Trâm

Ghi chú:

(1) Gạch ngang phần không áp dụng.

(2) Đối với xe sản xuất, lắp ráp: số giấy chứng nhận kiểu loại;

Đối với xe nhập khẩu: số giấy chứng nhận cấp cho xe nhập khẩu thử nghiệm